



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # 203928
VEWL.# _____
I-171 : ____ Yes, ☒ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH CHIEN
Last Middle First
- Current Address 98/20 NGUYEN BA TONG, PHUONG I QUAN TAN BINH TP HO CHI MINH
Date of Birth 3/2/1947 Place of Birth QUANG NAM, SOUTH VIETNAM
VIETNAM
- Previous Occupation(before 1975) CAPTAIN CHIEF SECTION I (NAM POWER STATISTICS)
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 6/27/1975 To 5/6/1980
3. SPONSOR'S NAME: DONG HUYNH
Name

Address & Telephone
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.
- | <u>Name, Address & Telephone</u> | <u>Relationship</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| _____ | _____ |
| _____ | _____ |
| _____ | _____ |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUYNH CHIEN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
HO THI HOANG	2/10/1951	WIFE
HUYNH MINH TRI	11/6/1972	SON
HUYNH MINH DUC	6/30/1974	SON
HUYNH MINH LONG	2/14/1976	SON
HUYNH THI BICH NGA	2/9/1981	DAUGHTER
HUYNH MINH TU	2/4/1983	SON

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

58 bô tể
Huỳnh Chiên

NAME (Ten Tu-nhan) : HUYNH CHIEN
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 3 2 1947
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 98/20 NGUYEN BA TONG, PHUONG I
(Dia chi tai Viet-Nam) QUAN TAN BINH, TP HO CHI MINH S. VIETNAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): 6/27/1975 To (Den): 5/6/1986

PLACE OF RE-EDUCATION: TAN HIEP
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): _____

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): CAPTAIN
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____ Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
IV Number (So ho so): 203928
No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 6
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 98/20 NGUYEN BA TONG PHUONG I, QUAN TAN BINH, TP HO CHI MINH SOUTH VIETNAM

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro): HUYNH DONG

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): FIRST COUSIN

NAME & SIGNATURE: DONG HUYNH
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____

DATE: 9 1 1988
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHUC MINH THƠ
NGUYỄN THỊ HANH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIẾP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHUC MINH THƠ
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HANH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HIẾP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

MẪU ĐƠN XIN GIA-NHẬP

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

-----ooo0ooo-----

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam hoạt động bất vụ lợi, thuận tủy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích vận động cho việc trả tự do cho tù-nhân chính-trị Việt-Nam và đoàn-tu gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây :

Họ và Tên: HUYỀN - ĐÔNG
Địa chỉ: _____

Điện thoại: (số) _____ (Nhà) _____

Tên tù nhân chính trị: HUYỀN - CHIẾN
Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị:
(Chà, Mẹ, Vợ, Anh, Chị, Em, v.v.)

Anh (con ông Bắc Huot)

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ: _____
Niệm liêm: X (\$12.00)
Đóng góp ủng hộ: _____ (tùy ý)

Thủ tủy, ngân phiếu xin gửi về:

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205
TELEPHONE: 703-560-0058



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: 703-560-0058

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHUC MINH THO
NGUYEN THI HANH
NGUYEN QUYNH DAO
NGUYEN VAN GIOI
NGUYEN XUAN LAN
HEP LOWMAN
TRAN KIM DUNG
TRAN THI PHUONG

MẪU ĐƠN XIN GIA-NHẬP

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

-----0000000-----

Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHUC MINH THO
President
NGUYEN QUYNH DAO
1st Vice-President
TRAN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYEN VAN GIOI
Secretary General
TRAN THI PHUONG
Deputy Secretary
NGUYEN THI HANH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HEP LOWMAN
NGUYEN XUAN LAN

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam hoạt động bất vụ lợi; thuận tủy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích vận động cho việc trả tự do cho tù-nhân chính-trị Việt-Nam và đoàn-tu gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây :

Họ và Tên: HUYNH - ĐONG
Địa chỉ: _____

Điện thoại: (số) _____ (Nhà) _____

Tên tù nhân chính trị: HUYNH - CHIEN
Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị:

(Chà, Me, Vò, Anh, Chi, Em, v.v.)

Anh (con ông Bảc Huat)

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ: _____
Niệm liêm: X (\$12.00)
y)

ISSUER
Travelers Express Money Order
098 2333 412

TRAVELERS EXPRESS COMPANY, INC. - DRAWER
PO BOX 9476, Minneapolis, MN 55480

VIỆT-NAM
205

0059 NIX CC #008

*****12DOLS 00CTS

TWELVE AND NO/100 DOLLARS

PAY TO THE ORDER OF Families of Vietnamese Political Prisoners Association

SIGNATURE DonGUYENH

ADDRESS 7255 Shaw Road LA, CA 90014

BY SIGNING YOU AGREE TO THE SERVICE CHARGE AND OTHER TERMS ON THE REVERSE SIDE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số 022470052

Họ tên HUỖNH CHIẾN

Sinh ngày 1947

Nguyên quán Quảng Nam

Đà Nẵng.

Nơi thường trú 98/20 Ngã-Bát Ng

Fl, TB, TP. Hồ Chí Minh.



Dân tộc: kinh		Tôn giáo: không	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Nốt ruồi cách 3cm trên trước đầu may phải.	
	NGÓN LƯỠI PHẢI	Ngày 5 tháng 4 năm 1984 GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN Thanh Lý Thanh Văn	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020847776

Họ tên: HỒ THỊ HOÀNG



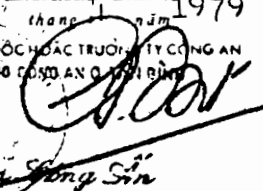
Sinh ngày: 10-3-1951

Nguyên quán: Duy Xuyên,

Quảng Nam - Đà Nẵng.

Nơi thường trú: 98/20 Ngõ Bà Lồng

Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
		Số chấm cách nhau trên sáo đầu má, trái	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày tháng năm 1979 TƯ LỆNH GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TAY CÔNG AN PHỤ TRƯỞNG CƠ QUAN CHỨC BỊ  Trần Văn Sơn	



Embassy of the United States of America

Bangkok, Thailand

Date: 14 July 87

Re: IV 203928

Huynh Chien

Dear Sir/Madam:

This is in response to your inquiry concerning the United States Orderly Departure Program, a program by which qualified individuals are able to resettle in the United States from Vietnam. The high volume of ODP cases and inquiries unfortunately prevent our giving you a more formal response than this letter.

☒ We regret that the Orderly Departure Program policy prohibits responses to inquiries from any party other than the petitioner, a very close relative of the beneficiary in Vietnam, or the petitioner's representative designated in writing on Immigration and Naturalization Service (INS) Form G-26.

☒ We acknowledge receipt of the documents for Huynh Chien, IV No. 203928, which you sent us on 24 June 87. We ~~are~~ have not reviewed your relative's/relatives' files. File review is conducted in accordance with an established schedule of priorities. If additional documents are needed, we shall contact you after the file has been reviewed.

☐ The documents which we still need to complete _____'s case are: _____

☐ The Letter of Introduction (LOI) which you are inquiring about has/has not been issued. The LOI does not guarantee that you/your relative(s) will receive exit permission, as that must be obtained from the Vietnamese authorities.

☐ Should you/your relative(s) receive an exit permit, please notify ODP of the exit permit numbers for each person listed on the case.

☒ The interview with the UNHCR representative in Ho Chi Minh City has not been conducted. Interviews are scheduled by the Vietnamese authorities, and we have no influence on the scheduling of individual cases for interview.

☐ Your relative(s) has/have been interviewed in Ho Chi Minh City, but his/her/their case has not yet been approved by a Consular or INS officer.

☐ We are awaiting a medical clearance for your relative(s).

☐ Your relative(s) has/have been approved for the U.S., and we have notified the Vietnamese that he/she/they may be placed on a manifest for departure. We cannot predict when he/she/they will be manifested as that is solely up to the Vietnamese authorities. A local voluntary agency in your area will notify you of your relative's/relatives' onward travel plans and his/her/their exact date of arrival in the United States.

Sincerely,

P. Ralprint

Orderly Departure Program
American Embassy - Box 58
APO San Francisco 96346-0001

Tên: TÂN HIẾP

Số: 144

Số: 144 - 17 - 1980

Số: 144 - 17 - 1980
Số: 144 - 17 - 1980
Số: 144 - 17 - 1980

GIẤY RA TRAI

Theo Tổng tư số 26 - 30/10/1975 của Bộ Nội vụ.
Tư lệnh An ninh, quyết định của số 140/QĐ ngày 20
tháng 04 năm 1980

Số BỘ NỘI VỤ

Đây là giấy ra cho anh. chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: HOÀNG CHIẾN

Họ, tên thường gọi: _____

Họ, tên bí danh: _____

Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1947

Hội sinh: QUẬN MỸ

Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt
28/20 Nguyễn Bá Tông Tân Bình Gia Định.

Cơ sở: Đại lý trưởng ban tài nguyên nhân lực

Bị bắt ngày 27 tháng 6 năm 1975 án phạt TTCT

Thời quyết định, 28/20 ngày 28 tháng 04 năm 1980
của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ tháng

Nay về cư trú tại 28/20 Nguyễn Bá Tông Tân Bình thành phố

Nơi xét quá trình cải tạo HỒ CHI MINH.

Quản chế 12 tháng không được cư trú trong thành phố.

Lưu tay ngắn trở phát

Số HOÀNG CHIẾN

Số 2052 75

Tên TÂN HIẾP

Số 144 - 17 - 1980
Số 144 - 17 - 1980
Số 144 - 17 - 1980

Thư
Hiệu Chiến

Ngày 01 tháng 05 năm 1980
Giám thị
Trưởng tá: Đào Lương

World Relief

O.D.P. DEPARTMENT

QUESTIONNAIRE

DO NOT WRITE IN THIS SPACE.

SUBMITTED _____

ENTERED _____

FILED _____

REGION _____

SECTION 1

My name is Donk HUYNH Sex M My Present Address 2901 S - 3145 WOther names I have used NoneMy Date of Birth 3/11/1948 My Phone numbers 1 homeMy Place of Birth QUANG-NAM VIETNAM work

SECTION 2

I entered the U.S. on 2/19/1980 (date) From SANGKHLA THAILAND (country or camp)

My present status in the U.S. is: _____ Refugee A# _____

_____ Permanent Resident Alien A# _____

X U.S. Citizen # 12415077
(naturalization certificate number)

SECTION 3

THE FOLLOWING ARE PERSONS IN VIETNAM KNOWN TO ME AND WHO MAY BE ELIGIBLE TO ENTER THE U.S. AS FORMER U.S. GOVERNMENT EMPLOYEES/CLOSE ASSOCIATE OF THE U.S. OR ASIAN AMERICAN CHILD:

NAME of Principal Applicant	Sex	Date/Place of Birth	Complete Address in Vietnam
<u>HUYNH CHIEN</u>	<u>M</u>	<u>3/2/1947</u>	<u>98/20 Nguyen Ba Tong, Phung</u> <u>QUANG NAM VIETNAM Quan Tan - Binh, TP Ho Chi Minh S. VIE</u>

Number of close relatives accompanying Principal Applicant: 6 (Full list on back)Does this family have an IV number? No, It doesn't Exit Permits? Yes _____ No XWhat relation (if any) is the principal applicant to you? FIRST COUSIN

SECTION 4 - DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE: AGENCY _____ LAST TITLE/GRADE _____
(USAID, CORDS, MACV/DAO)

WORKED FROM _____ TO _____ NAME OF SUPERVISOR _____

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION: LAST TITLE/GRADE _____

U.S. COMPANY, CONTRACTOR, AGENCY, ORGANIZATION OR FOUNDATION _____

NAME/POSITION OF SUPERVISOR _____ WORKED FROM _____ TO _____

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT/MILITARY SERVICE (pre-1975): TITLE/RANK CAPTAINMINISTRY OR MILITARY UNIT BINH DUCNH SECTOR APO 4825 FROM 9/17/1968 TO 4/30/1975JOB DESCRIPTION CHIEF SECTION I (MANPOWER STATISTICS) LIST ANY AWARDS, COMMENDATIONS, OR
MEDALS RECEIVED FROM U.S. GOVERNMENT _____NAME/RANK OF ANY AMERICAN SUPERVISOR CAPTAIN OSIMORE-EDUCATION CAMP: No _____ Yes X How Long? 4 years 9 months

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP:

SCHOOL _____ LOCATION _____
TYPE OF DEGREE OR CERTIFICATE _____
DATES OF TRAINING _____ WHO PAID? _____
ASIAN-AMERICAN CHILDREN: NAME _____ SEX _____
DATE OF BIRTH _____ PLACE _____ MARRIED? _____
FULL NAME OF BIRTH MOTHER _____ ADOPTED MOTHER _____
ADDRESS _____ (if none, write none)

SECTION 5 NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): HUYNH CHIEN
(listed on Page 1)

NAME OF ACCOMPANYING RELATIVES	Sex	Date/Place of Birth	Relationship to P.A.
1. <u>HO THI HUANG</u>	<u>F</u>	<u>2/10/1951 VIETNAM</u>	<u>Wife</u>
2. <u>HUYNH MINH TRI</u>	<u>M</u>	<u>11/6/1972 -11-</u>	<u>Son</u>
3. <u>HUYNH MINH DUC</u>	<u>M</u>	<u>6/30/1974 -11-</u>	<u>Son</u>
4. <u>HUYNH MINH LONG</u>	<u>M</u>	<u>2/14/1976 -11-</u>	<u>Son</u>
5. <u>HUYNH THI BICH NGA</u>	<u>F</u>	<u>2/9/1981 -11-</u>	<u>Daughter</u>
6. <u>HUYNH MINH TU</u>	<u>M</u>	<u>2/4/1983 -11-</u>	<u>Son</u>
7. _____	_____	_____	_____
8. _____	_____	_____	_____
9. _____	_____	_____	_____
10. _____	_____	_____	_____

ANY ADDITIONAL INFORMATION: _____

SECTION 6

I SWEAR THAT THE ABOVE INFORMATION IS TRUE TO THE BEST OF MY KNOWLEDGE.

Signature Don G. Huynh Date 6/2/86

Subscribed and Sworn to before me,

Notary Public Signature [Signature]

This 2nd Day of June, 1986.

My Commission Expires 02-24-88.



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1812 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

ODP IV # _____
(if known)

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (VIETNAM)

AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

DIOCESE OF SALT LAKE CITY

SECTION I

Your Name: Mr/Ms HUYNH DONG Phone: (Home) _____
Family Middle Given (Work) _____

Your Address: 2901 S - 3145 W West Valley UTAH 84119
Number Street County/City State Zip Code

Date of Birth: 3/1/1948 Place of Birth: Gung Nam Nationality: VIETNAM
(VIETNAM) From: (country/camp) SONGKHLA THAILA

Date of Entry to U.S.: 2/19/1980

My Alien Registration Number: (if applicable) A-23-894-374

Legal Status: Parolee _____ Permanent Resident X U.S. Citizen X

My Naturalization Certificate Number: (if applicable) 12415077

SECTION II

I am filing the Affidavit for the following relatives still in Vietnam to come the United States under the Orderly Departure Program (ODP).

A copy of my _____ I-94 (both sides) _____ I-151 or X I-551 (Permanent Resident Card) is attached.

I have filed an I-130 (Immigrant Visa Petition) for each of my relative(s) prior to submitting the Affidavit _____ yes X no. If yes, date submitted: _____ and date approved: _____.

NAME	DATE/PLACE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO YOU	ADDRESS IN VIETNAM
HUYNH CHIEN	March - 2 - 1947 Gung Nam VIETNAM	Cousin	98/20 Nguyen Lu Tu
HO THI HANG	Feb - 10 - 1951 Gung Nam VIETNAM	Cousin's wife	Phung I, Gung Nam - 8
HUYNH MINH TRI	Nov - 6 - 1972 Saigon VIETNAM	Nephew	TP. Hu Chi Minh
HUYNH MINH DUC	June - 20 - 1974 Gia - Binh VIETNAM	Nephew	Swire VIETNAM
HUYNH MINH LONG	Feb - 14 - 1976 Ho Chi Minh VIETNAM	Nephew	— // —
HUYNH THI BICH ANA	Feb - 9 - 1951 Ho Chi Minh VIETNAM	Niece	— // —
HUYNH MINH TU	Feb - 4 - 1985 Ho Chi Minh VIETNAM	Nephew	— // —

SECTION III

The following are persons in Vietnam known to me and who may be eligible to enter the U.S. as a former U.S. government employee or close associate to the U.S.; political prisoner; Asian-American:

Name of Principal Applicant	Date/Place of Birth	Relation (if any)	Address in Vietnam
HUYNH CHIEN	March - 2 - 1947 Gung Nam	Cousin	98/20 Nguyen Lu Tu
	VIETNAM		Phung I, Gung Nam - 8

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE:

DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of applicant)

U.S. Government Agency _____ Last Title/Grade _____
Name/Position of Supervisor _____

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION:

U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation _____
Last Title/Grade: _____ Name/Position of Supervisor _____

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (prior to 1975):

Ministry or Military Unit Sub Sector BINH DUONG Last Title/Grade Director of Personnel Office
Name/Position of Supervisor NGUYEN VAN CUA / Colonel Serial Number: 67/805.216

FORMER ASSOCIATE OF U.S. AND INTERNED IN RE-EDUCATION CAMP:

Was time spent in re-education camp? Yes x No _____ Date: from June 27 - 1975 to May - 6 - 1980

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP:

School _____ Location _____
Type of Degree or Certificate _____
Date of Employment or Training: from _____ to _____
(month/year) (month/year)

ASIAN-AMERICANS: Single _____ Married _____ Male _____ Female _____
Full Name of the Mother: _____ Address: _____
Full Name of the U.S. Citizen Father (if known): _____
His Current address: _____

SECTION IV

NAMES OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
HO THI HUANG	Feb. 10 - 1951	Wife
HUYEN MINH TRI	Nov. 6 - 1972	Son
HUYEN MINH DUC	June - 30 - 1974	Son
HUYEN MINH LONG	Feb. 14 - 1976	Son
HUYEN - THI BICH NGA	Feb. 9 - 1981	Daughter
HUYEN MINH TU	Feb. 4 - 1981	Son

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

Doan Huong
Your Signature

Subscribed and sworn to before me this 9th day of March 1985

Joan Gardner My Commission Expires: 3-1-87
Signature of Notary Public

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu 1/72

Xã, Thị trấn: Tân-Sơn-Hòa
Thị xã, Quận: Tân-Bình
Thành phố, Tỉnh: Gia-Định

ĐÃ THU LỆ PHÍ

**BẢN SAO
GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN**

Số 240/1972

Quyển số

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bí danh	HUỲNH-CHIÊN	HỒ-THỊ-HOANG
Sinh ngày, tháng năm hay tuổi	02-03-1947	10-02-1951
Dân tộc Quốc tịch	//	//
Nghề nghiệp	Quân Nhân	Thợ dệt
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	Tân-Sơn-Hòa	Tân-Sơn-Hòa
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu	/	/

Đăng ký, ngày 24 tháng 05 năm 1972

TM/UBND Xã Tân-Sơn-Hòa

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ủy-Viên Hộ-Tịch Xã Tân-Sơn-Hòa

(Đã ký)

Lê-Văn-Tân

Người chồng ký

Người vợ ký

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

tháng 05 năm 1982



Ủy-Ban Nhân-Dân Xã Tân-Bình Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

QUANG-VĂN-PHONG

MẠC-TỔ-PHÙNG

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

SỞ TƯ - PHÁP, TRUNG - PHẦN

Tòa Hòa Giải Hội-An

ngày 26 tháng 11 năm 19 57

CHỨNG CHỈ THAY GIẤY

khai sinh :

HUỖNH-CHIẾN

Số 7276 T. A

Năm một ngàn chín trăm năm mươi bảy

ngày hai.m.sáu tháng mười một hồi 10 giờ

Trước mặt chúng tôi là Huỳnh-Như-Văn

Thẩm-phán Tòa Hòa-Giải Việt-Nam.

ngồi tại Văn Phòng ở Tòa Hòa Giải Hội-An

có Lục-sự Nguyễn-Trà giúp việc

ĐÃ ĐẾN HẦU

Nguyễn-Liệu tức Nguyễn-Ngọc-Liệu 38 tuổi, nghề nghiệp Bảo an binh

chánh quán làng Xuân-Tây, Duy-Xuân, Quảng-Nam

trú quán làng hiện từng sự tại Tỉnh đoàn Bảo-an, Quảng-Nam

thẻ TK căn cước số A.001550 ngày 26.9.1955

do Ty Cảnh-Sát Hội-An cấp.

Thỉnh cầu Tòa-Án cấp một chứng chỉ khai sinh cho chấp

sinh ngày 2.3.1947 tại Hà-Mật, Điện-Bản,

Quảng-Nam theo như đơn đề tại bản Tòa ngày 21.11.1957

Đương sự có ba người nhân chứng sau đây để chứng thực lời khai của y

1. Ô. NGO CAN 23 tuổi, Bảo-an, binh, tờ khai căn cước số A.000798 ngày 30.9.55 do quận Duy-Xuân cấp ngày.
chánh quán Đông-Bôn, Duy-Xuân, Quảng-Nam hiện từng sự tại Tỉnh đoàn Bảo-An, Quảng-Nam.

2. Ô. PHAM VAN Y 25 tuổi, công chức, tờ khai căn cước số A.0000246 ngày 12.8.57 do quận Đại-Lộc cấp, chánh quán La-Qua, Điện-Bản, Quảng-Nam, hiện trú tại số 11 đường Duy-Tân, Hội-An.

3. Ô. VO NGOC ANH 32 tuổi, làm công, tờ khai căn cước số A.000206 ngày 30.9.55 do quận Tam-Kỷ cấp chánh quán Điện sơn, Điện-Bản, Quảng-Nam, hiện trú tại số 126 đường Cường-Đế, Hội-An.

Những nhân chứng này đã tuyên thệ và quả quyết bất chấp tặc.

HUỖNH-CHIẾN, Quốc-Tịch Việt-Nam sinh ngày HAI tháng BA năm MỘT NGÀN CHÍN TRAM BỐN MƯƠI BẢY (02-03-1947)
tại làng Hà-Mật, Quận Điện-Bản, tỉnh Quảng-Nam, con trai Ông Huỳnh-Tín và bà Phạm-thị-Tín vợ chánh thất.

tức Nguyễn-ngọc-Liệu
Và duyên có mẹ Ô. Nguyễn-Liệu không thờ sao lục khai sinh
được là vì số hộ tịch nơi sinh quán của cháu y bị
phá hủy bởi những biến cố chiến tranh

Mấy người chứng đã xác nhận như trên đây nên tôi phát giấy chứng chỉ
khai sinh Huỳnh-Chiến này cho tên Nguyễn-Liệu tức Nguyễn-
Ngọc-Liệu để làm bằng

chiếu theo các điều 47. 48 H.V.H.L

Và các người chứng có ký tên với tôi và viên Lục-sự sau khi đọc lại.

LUC - SỰ

THẨM - PHÁN

Ký tên Nguyễn-Trà

Ký tên Huỳnh-Như-Văn

Những người làm chứng

Người đứng xin

- 1) Ký tên NGO CAN
- 2) Ký tên PHAM VAN Y
- 3) Ký tên VO NGOC ANH

Ký tên NGUYỄN-LIỆU tức NGUYỄN-
NGỌC-LIỆU

Trước bạ tại Hội-An (faifoo)

Ngày 29 tháng 11 năm 1957

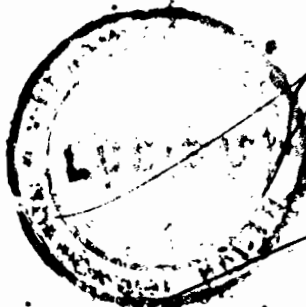
- 2 Quyển 19 tờ 31 số 464
Thầu sáu chục đồng bạc
CHỦ SỰ

Thuế : 50,00
Phụ thu : 10,00
60,00

Ký tên Nguyễn-Thanh-Viêm

3

Sao y chánh bản tồn trữ tại Phòng Lục-
sự tòa Hòa-Giai Hội-An, tỉnh Quảng-Nam
HỘI-AN, ngày 27 tháng 2 năm 1968
CHÁNH LỤC SỰ



(BDM : DIEM)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

SỞ TƯ PHÁP TRUNG - PHÂN

TÒA HÒA - GIẢI

DUY-XUYEN

Ngày 6 tháng 4 năm 1962

CHỨNG - CHỈ THAY GIẤY

Khai sinh:

HỒ-THỊ-HOÀNG

số 495 TA

Năm một nghìn chín trăm sáu mươi hai

Ngày Mùng sáu tháng Tư hồi 8 giờ

Trước mặt chúng tôi là ĐANG-TRẦN-BẢO

Thẩm - Phán Tòa Hòa - Giải Việt-nam

ngồi tại Văn - Phòng ở Tòa Hòa - Giải DUY-XUYEN

có Lưu - Sự NGUYỄN-DIEU giúp việc

ĐÃ ĐẾN HẦU

Thiếu-thị-Ảnh 45 tuổi nghề nghiệp Buôn

chánh quán làng Xuyên-trường, DUY-xUYEN, QUẢNG-nam

trú quán làng Xuyên-trường, DUY-xUYEN, QUẢNG-nam

thẻ căn cước số B000.416 ngày 30-9-1955

do Quận DUY-xUYEN cấp

Thỉnh cầu Tòa - án cấp một chứng chỉ Khai sinh cho con y

sinh ngày 10-02-1951 tại Xã Xuyên-trường

theo như đơn xin đề tại bản Tòa ngày 6-4-1962

Đương sự có ba người nhân chứng sau đây đề chứng theo

lời khai của y :

- 1) Nguyễn-Long 64 tuổi, nghề nông, thẻ căn cước số A000.613 cấp tại DUY-xUYEN ngày 12-09-1955. Hiện trú tại xã Xuyên-trường, quận DUY-xUYEN, QUẢNG-nam
- 2) Nguyễn-Ấm 65 tuổi, nghề nông, thẻ căn cước số A000.514 cấp tại DUY-xUYEN ngày 30-9-1955, Hiện trú tại xã Xuyên-trường, quận DUY-xUYEN, QUẢNG-nam
- 3) Võ-Quang-Tuân 30 tuổi, nghề nông, thẻ căn cước số A000.427 cấp tại DUY-xUYEN ngày 30-9-1955. Hiện trú tại xã Xuyên-trường, quận DUY-xUYEN, QUẢNG-nam

Những nhân chứng này đã tuyên thệ và khai quả quyết biết tên

HỒ-THỊ-HOÀNG, con-tịch Việt-nam, sinh ngày Mười tháng hai, năm một nghìn chín trăm năm mươi một (10-02-1951) tại xã Xuyên-trường, quận DUY-xUYEN, tỉnh QUẢNG-nam, con Ông HỒ-TRƯỜNG (sống) và bà THIỀU-THỊ-ẢNH (sống) vợ kế thất.

vi duyên có mà y không thể xin sao lục khai sinh cho con
vi biến cố chiến tranh xảy ra nên số bộ hồ tịch nơi sinh
quan bị thất lạc.
Mấy người chứng đã xác nhận như trên đây nên tôi phát giấy
Chúng tôi khai sinh này cho HỒ-THỊ-HOÀNG
để tùy nghi tiện dụng
chiếu theo các điều 47, 48 Hoàng Việt Hộ Luật

và các người chứng có ký tên với chúng tôi và viên Lục-Sự sau khi đọc lại.

LỤC-SỰ,
NGUYỄN-DIỆU
(Ký tên)

THẨM-PHÁN,
ĐẶNG-TRAN-BẢO
(Ký tên và ấn dấu)

Những người chứng,

Người đứng xin,

1-Nguyễn-Long ký tên

2-Nguyễn-Ấm ký tên

3-Vo-Quang-Tùng ký tên

Bhi nhận con niêm và
trước bạ miên phi.

Hội-an ngày 9-4-1962

Trưởng Ty thuế-vụ hôn hợp

Ký tên không rõ và ấn dấu.

Thiếu-Thị-Anh ký tên

Miên lệ phi trước bạ và con niêm

Thi-hành tư văn số 1392/MTB/TT ngày
25-2-1959 của Nha Giám đốc trước bạ
công-sản và con niêm.

Quận-Trưởng kiêm Thẩm-phán

ĐẶNG-TRAN-BẢO và ấn dấu

SAO Y CHÍNH BẢN

Tồn trữ tại văn-phòng Lục-sự Toà Hoà
Giãi Quận Duy-xuyên, tỉnh Quảng-nam.

Duy-xuyên ngày 18 tháng 6 năm 1966

TL.Quận-Trưởng kiêm Thẩm-phán

LỤC-SỰ



HỒ - THANH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận 10

Số hiệu : 5884 -

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai (1972) E

Tên, họ đứa nhỏ	HUYNH MINH TRI
Phái	Nam
Ngày sanh	Ngày sáu tháng mười một năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai, hồi 08 giờ 20
Nơi sanh	369 Lê Văn Duyệt
Tên, họ người Cha	HUYNH CHIEN
Tuổi	Hai mươi lăm
Nghề-nghiệp	Quan nhân
Nơi cư-ngụ	36/8 Ấp Chi Hoa 2, Gia Định
Tên, họ người mẹ	HO THI HOANG
Tuổi	Hai mươi một
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	36/8 Ấp Chi Hoa 2, Gia Định
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày 11 tháng 11 năm 1972

TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÁNH:

T/15

SAIGON, ngày 13 tháng 11 năm 1972

QUẢN-TRƯỞNG QUẬN 10



LÊ-NGUYỄN-THẠCH

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÃ KIỂM SOÁT Y TRONG ĐỘ

TỈNH GIA-DÌNH

QUẬN Tân Bình

XÃ Tân Sơn Hòa

Số hiệu 2087

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 04 tháng 7 năm 1974

Tên họ đưa trẻ	Nguyễn Minh Đức
Con trai hay con gái	Nam
Ngày sanh	Ngày 20 tháng 01, tháng sáu, năm 1974
Nơi sanh	Tân Sơn Hòa
Tên họ người cha	Nguyễn - Chiến
Tên họ người mẹ	Hồ thị Hoàng
Vợ chánh hay không có hôn thú	Chánh
Tên họ người đứng khai	Nguyễn - Chiến

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

Tân Sơn Hòa, ngày 04 tháng 7 năm 1974

Xã-Trưởng kiêm Ủy-Viên Hộ-Tịch,



LÊ-VĂN-TÂM

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
QUẬN TÂN BÌNH
PHƯỜNG (XÃ) TÂN SƠN KHUÊ

NĂM 1976
SỐ: 0281.

//-) AN SAO GIẤY KHAI SINH

Họ, Tên : HUYNH MINH LONG
Gái hay Trai : TRAI
Ngày, tháng, năm sinh : 14 tháng 02 năm 1976
Nơi sinh : NHÀ BẢO SANH THAI BÌNH QUẬN 10
Họ, Tên, Tuổi, Quốc Tịch người Cha : HUYNH CHIẾN 24 tuổi Quốc tịch Việt Nam
Nghề nghiệp, chỗ ở người cha : 48/20 Nguyễn Bá Tòng bưng liêu opa đình
Họ, Tên, Tuổi, Quốc Tịch người Mẹ : HỒ THỊ HOÀNG 25 tuổi Quốc tịch Việt Nam
Nghề nghiệp, chỗ ở người Mẹ : 48/20 Nguyễn Bá Tòng bưng liêu opa đình

Làm tại Tân Sơn Kh. . . Ngày 10 th. 02. năm 1976

CHỮ THÍCH :
.
.

SAO LỤC

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, Ngày 10 tháng 02 năm 1976

CT KH. ỦY VIÊN HỘ TỊCH XÃ Tân Sơn Kh.



NGUYỄN HỮU LÂN

ML# HT3/P3

**BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH**

Số 52/1983
Quyền số CI/F.I.

[illegible]

Họ và Tên	HUYỀN BÌNH TỬ		Nam, nữ <u>Nam</u>
Shub ngày tháng, năm	Đón, tháng hai, năm một chín tám ba (04.02.1983)		
Nơi sinh	Bảo sanh phụ sản		
Khai về cha mẹ			
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	CHA HUYỀN CHIẾN 1947	MẸ HỒ THỊ HOÀNG 1951	
Dân tộc	Kinh		
Quốc tịch	Việt Nam		
Nghề nghiệp	Đot	Đot	
Nơi ĐKNK thường trú	99/10 Nguyễn Bồ Tôn, Phường 1, Q. Tân Bình		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	HUYỀN CHIẾN		

NOV 19 1960

ĐẢNG TỰ DO

MAC - TÔ - PHÙNG

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Xã. Thị trấn

Thị xã, Quận Tân-Bình

Thành phố, Tỉnh Hồ-Chí-Minh

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 19/1981

Quyển số 01/P.1

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

HỌ VÀ TÊN	<u>Nguyễn-Thị-Bích-Nga</u> Nam, Nữ <u>Nữ</u>	
Sinh ngày tháng, năm	<u>Ngày chín tháng hai, năm một ngàn chín trăm tám mươi một (09-02-1981)</u>	
Nơi sinh	<u>Bảo sanh Hồ-Chí-Minh Quận 3</u>	
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Nguyễn-Chiến</u> <u>1947</u>	<u>Nữ-Thị-Hoàng</u> <u>1951</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt-Nam</u>	<u>Việt-Nam</u>
Nghề nghiệp nơi ĐKNK thường trú	<u>Thợ dệt</u> <u>Tên, số 98/20 số 30 Phường 2 Tân-Bình</u>	<u>Thợ dệt</u> <u>98/20 số 30 Phường 1 Tân-Bình</u>
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Cha khai : Nguyễn-Chiến</u>	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 04 tháng 03 năm 1981

Đăng ký ngày 17 tháng 02 năm 1981

(Ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

TMAUBN Tân-Bình ký tên đóng dấu

Ủy-Viên Thư-Ký Quận Tân-Bình

ĐHÀNH VĂN-PHÒNG

(Đã ký)

Lê-Hoài-Vi



TRẦN-VĂN-TRONG



Embassy of the United States of America

Bangkok, Thailand

Date: 14 July 87

Re: IV 203928
Huynh Chien

Dear Sir/Madam:

This is in response to your inquiry concerning the United States Orderly Departure Program, a program by which qualified individuals are able to resettle in the United States from Vietnam. The high volume of ODP cases and inquiries unfortunately prevent our giving you a more formal response than this letter.

☒ We regret that the Orderly Departure Program policy prohibits responses to inquiries from any party other than the petitioner, a very close relative of the beneficiary in Vietnam, or the petitioner's representative designated in writing on Immigration and Naturalization Service (INS) Form G-26.

☒ We acknowledge receipt of the documents for Huynh Chien, IV No. 203928, which you sent us on 24 June 87. We ~~are~~ have not reviewed your relative's/relatives' files. File review is conducted in accordance with an established schedule of priorities. If additional documents are needed, we shall contact you after the file has been reviewed.

☐ The documents which we still need to complete _____'s case are: _____

☐ The Letter of Introduction (LOI) which you are inquiring about has/has not been issued. The LOI does not guarantee that you/your relative(s) will receive exit permission, as that must be obtained from the Vietnamese authorities.

☐ Should you/your relative(s) receive an exit permit, please notify ODP of the exit permit numbers for each person listed on the case.

☒ The interview with the UNHCR representative in Ho Chi Minh City has not been conducted. Interviews are scheduled by the Vietnamese authorities, and we have no influence on the scheduling of individual cases for interview.

☐ Your relative(s) has/have been interviewed in Ho Chi Minh City, but his/her/their case has not yet been approved by a Consular or INS officer.

☐ We are awaiting a medical clearance for your relative(s).

☐ Your relative(s) has/have been approved for the U.S., and we have notified the Vietnamese that he/she/they may be placed on a manifest for departure. We cannot predict when he/she/they will be manifested as that is solely up to the Vietnamese authorities. A local voluntary agency in your area will notify you of your relative's/relatives' onward travel plans and his/her/their exact date of arrival in the United States.

Sincerely,

P. Ralprint

Orderly Departure Program
American Embassy - Box 58
APO San Francisco 96346-0001

Trên: TÂN HIỆP

Số: 149

QUỐC HẠNG RA ĐÓNG CHỮ LA TÍNH
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Loại số 001-01
Tá, ban hành
theo công văn
số 2505 ngày 20
tháng 11 năm 72.

GIẤY RA TRAI

Theo thông tư số 0-6 - BGA/VT ngày 31-3-1961 của Bộ Nội vụ.
Tân Hiệp An văn, quyết định của số 40/QĐ ngày 20
tháng 04 năm 1980

Của BỘ NỘI VỤ

Đay cấp giấy cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: HUYỀN CHIẾN

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 03 tháng 01 năm 1947

Nơi sinh QUẬN MỸ

Đã đăng ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt
28/20 Nguyễn Bá Tông Tân Bình Gia đình.

Cao tột, Đại úy trưởng ban tài nguyên nhân lực

Bị bắt ngày 27 tháng 6 năm 1975 Án phạt TTCT

Theo quyết định, Án phạt 27 tháng 6 năm 1975 ngày 27 tháng 06 năm 1975
của

Đã bị tăng án 27 tháng 6 năm 1975 lần, cộng thành 27 tháng 6 năm 1975

Đã được giảm án 27 tháng 6 năm 1975 lần, cộng thành 27 tháng 6 năm 1975

Hay về cư trú tại 90/20 Nguyễn Bá Tông Tân Bình thành Phố

hoặc quá trình cải tạo HỒ CHÍ MINH.

Quản chế 12 tháng không được cư trú trong thành phố.

Lưu tay ngắn trở phải

Của HUYỀN CHIẾN

Số 0052 75

TÂN HIỆP

X. * tên, chữ ký
Nơi được cấp giấy

Ngày 06 tháng 05 năm 8
Giám thị

Huyền Chiến

Trưng tá: Tân Lương

World Relief

O.D.P. DEPARTMENT

QUESTIONNAIRE

DO NOT WRITE IN THIS SPACE.

SUBMITTED _____
ENTERED _____
FILED _____
REGION _____

SECTION 1

My name is DONK HUYNH Sex M My Present Address 2901 S - 3145 W
Other names I have used None West Valley, UTAH 84119
My Date of Birth 3/11/1948 My Phone numbers home
My Place of Birth QUANG-NAM VIETNAM work

SECTION 2

I entered the U.S. on 2/19/1980 (date) From SAENGHILA THAILAND (country or camp)
My present status in the U.S. is: _____ Refugee A# _____
_____ Permanent Resident Alien A# _____
X U.S. Citizen # 12415077
(naturalization certificate number)

SECTION 3

THE FOLLOWING ARE PERSONS IN VIETNAM KNOWN TO ME AND WHO MAY BE ELIGIBLE TO ENTER THE U.S.
AS FORMER U.S. GOVERNMENT EMPLOYEES/CLOSE ASSOCIATE OF THE U.S. OR ASIAN AMERICAN CHILD:

NAME of Principal Applicant	Sex	Date/Place of Birth	Complete Address in Vietnam
<u>HUYNH CHIEN</u>	<u>M</u>	<u>3/2/1947</u>	<u>98/20 Nguyen La Tong, Phung</u>
		<u>QUANG NAM VIETNAM</u>	<u>Quan Tan - Binh, TP Ho Chi Minh S. VIET</u>

Number of close relatives accompanying Principal Applicant: 6 (Full list on back)
Does this family have an IV number? No, It doesn't Exit Permits? Yes _____ No X
What relation (if any) is the principal applicant to you? FIRST COUSIN

SECTION 4 - DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE: AGENCY _____ LAST TITLE/GRADE _____
(USAID, CORDS, MACV/DAO)
WORKED FROM _____ TO _____ NAME OF SUPERVISOR _____
EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION: LAST TITLE/GRADE _____
U.S. COMPANY, CONTRACTOR, AGENCY, ORGANIZATION OR FOUNDATION _____

NAME/POSITION OF SUPERVISOR _____ WORKED FROM _____ TO _____
EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT/MILITARY SERVICE (pre-1975): TITLE/RANK CAPTAIN
MINISTRY OR MILITARY UNIT BINH DUONG SECTOR APO 4825 FROM 9/17/1968 TO 4/30/1975
JOB DESCRIPTION CHIEF SECTION I (MANPOWER STATISTICS) LIST ANY AWARDS, COMMENDATIONS, OR
MEDALS RECEIVED FROM U.S. GOVERNMENT _____
NAME/RANK OF ANY AMERICAN SUPERVISOR CAPTAIN OSIMO
RE-EDUCATION CAMP: No _____ Yes X How Long? 4 years 9 months

C 2/3-5/85

AW/Quen

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP:

SCHOOL _____ LOCATION _____

TYPE OF DEGREE OR CERTIFICATE _____

DATES OF TRAINING _____ WHO PAID? _____

ASIAN-AMERICAN CHILDREN: NAME _____ SEX _____

DATE OF BIRTH _____ PLACE _____ MARRIED? _____

FULL NAME OF BIRTH MOTHER _____ ADOPTED MOTHER _____

ADDRESS _____ (if none, write none)

SECTION 5 NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): HUYNH CHIEN
(listed on Page 1)

NAME OF ACCOMPANYING RELATIVES	Sex	Date/Place of Birth	Relationship to P.A.
1. <u>HO THI HOANG</u>	<u>F</u>	<u>2/10/1951 VIETNAM</u>	<u>Wife</u>
2. <u>HUYNH MINH TRI</u>	<u>M</u>	<u>11/6/1972 -11-</u>	<u>Son</u>
3. <u>HUYNH MINH DUC</u>	<u>M</u>	<u>6/30/1974 -11-</u>	<u>Son</u>
4. <u>HUYNH MINH LONG</u>	<u>M</u>	<u>2/14/1976 -11-</u>	<u>Son</u>
5. <u>HUYNH THI BICH ANH</u>	<u>F</u>	<u>2/9/1981 -11-</u>	<u>Daughter</u>
6. <u>HUYNH MINH TU</u>	<u>M</u>	<u>2/4/1983 -11-</u>	<u>Son</u>
7. <u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>
8. <u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>
9. <u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>
10. <u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>

ANY ADDITIONAL INFORMATION: _____

SECTION 6

I SWEAR THAT THE ABOVE INFORMATION IS TRUE TO THE BEST OF MY KNOWLEDGE.

Signature Don G. Huynh Date 6/2/86

Subscribed and Sworn to before me,

Notary Public Signature [Signature]

This 2nd Day of June, 1986.

My Commission Expires 02-24-88.



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1812 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

ODP IV #
(if known)

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (VIETNAM)

AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

DIOCESE OF SALT LAKE CITY

SECTION I

Your Name: Mr/Ms HUYNH DONG Phone: (Home) _____
Family Middle Given (Work) _____

Your Address: _____
Number Street County/City State Zip Code

Date of Birth: 3/1/1948 Place of Birth: Quang Nam Nationality: VIETNAM
Date of Entry to U.S.: 2/19/1980 (VIETNAM) From: (country/camp) SAIGON THAILAND

My Alien Registration Number: (if applicable) A-23-894-374

Legal Status: Parolee _____ Permanent Resident X U.S. Citizen X

My Naturalization Certificate Number: (if applicable) 12415077

SECTION II

I am filing the Affidavit for the following relatives still in Vietnam to come the United States under the Orderly Departure Program (ODP).

A copy of my _____ I-94 (both sides) _____ I-151 or X I-551 (Permanent Resident Card) is attached.

I have filed an I-130 (Immigrant Visa Petition) for each of my relative(s) prior to submitting the Affidavit _____ yes X no. If yes, date submitted: _____ and date approved: _____.

NAME	DATE/PLACE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO YOU	ADDRESS IN VIETNAM
HUYNH CHIEN	March - 2 - 1947 Quang Nam VIETNAM	Cousin	98/20 Nguyen Ba Tu
HO THI HOANG	Feb - 10 - 1951 Quang Nam VIETNAM	Cousin's Wife	Phuoi I, Quang Tam -
HUYNH MINH TRI	Nov - 6 - 1972 Saigon VIETNAM	Nephew	TP. HO CHI MINH
HUYNH MINH DUC	June - 30 - 1974 Gia Dinh VIETNAM	Nephew	South VIETNAM
HUYNH MINH LONG	Feb - 14 - 1976 Ho Chi Minh VIETNAM	Nephew	— // —
HUYNH THI BICH ANA	Feb - 9 - 1951 Ho Chi Minh VIETNAM	Niece	— // —
HUYNH ANH TU	Feb - 4 - 1983 Ho Chi Minh VIETNAM	Nephew	— // —

SECTION III

The following are persons in Vietnam known to me and who may be eligible to enter the U.S. as a former U.S. government employee or close associate to the U.S.; political prisoner; Asian-American:

Name of Principal Applicant	Date/Place of Birth	Relation (if any)	Address in Vietnam
HUYNH CHIEN	March - 2 - 1947 Quang Nam	Cousin	98/20 Nguyen Ba Tu
	VIETNAM		Phuoi I, Quang Tam - B.A.

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE:

DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of applicant)

U.S. Government Agency _____ Last Title/Grade _____
 Name/Position of Supervisor _____

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION:

U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation _____
 Last Title/Grade: _____ Name/Position of Supervisor _____

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (prior to 1975):

Ministry or Military Unit Sub-Sector BINH DUONG Last Title/Grade Director of Personnel office
 Name/Position of Supervisor NGUYEN VAN OUA / Colonel Serial Number: 67/805.216

FORMER ASSOCIATE OF U.S. AND INTERVIEWED IN RE-EDUCATION CAMP:

Was time spent in re-education camp? Yes X No _____ Date: from June 27-1975 to May 6-1980

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP:

School _____ Location _____
 Type of Degree or Certificate _____
 Date of Employment or Training: from _____ to _____
 (month/year) (month/year)

ASIAN-AMERICANS: Single _____ Married _____ Male _____ Female _____
 Full Name of the Mother: _____ Address: _____
 Full Name of the U.S. Citizen Father (if known): _____
 His Current address: _____

SECTION IV

NAMES OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
HO THI HUANG	Feb. 10 - 1951	Wife
HUYNH MINH TRI	Nov. 5 - 1972	Son
HUYNH MINH DUC	June 30 - 1974	Son
HUYNH MINH LONG	Feb. 14 - 1976	Son
HUYNH THI BICH NGA	Feb. 9 - 1981	Daughter
HUYNH MINH TU	Feb. 4 - 1981	Son

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

DOAN HUYNH
 Your Signature

Subscribed and sworn to before me this 8th day of March 1985

Joan Gardner My Commission Expires: 3-1-87
 Signature of Notary Public

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Xã, Thị trấn: Tân-Sơn-Hòa
Thị xã, Quận: Tân-Bình
Thành phố, Tỉnh: Gia-Định

ĐÃ THU LỆ PHÍ

BẢN SAO

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 240/1972

Quyển số

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bi danh	HUYNH-CHIÊN	HỒ-THỊ-HOANG
Sinh ngày, tháng năm hay tuổi	02-03-1947	10-02-1951
Dân tộc Quốc tịch	//	//
Nghề nghiệp	Quân Nhân	Thợ dệt
Nơi đăng ký chân khẩu thường trú	Tân-Sơn-Hòa	Tân-Sơn-Hòa
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu	/	/

Đăng ký, ngày 24 tháng 05 năm 1972
TM/UBND Lê Tân-Sơn-Hòa

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ủy-Viên Hộ-Tịch Xã Tân-Sơn-Hòa
(Lữ ký)
Lê-Văn-Tâm

Người chồng ký

Người vợ ký

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

5 tháng 03 năm 1982



TM/UBND Tân-Bình Ký tên đóng dấu
(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

QUANH VĂN PHÒNG

MẠC-TÔ-PHÙNG

VIỆT-NAM CONG-HÒA

SỞ TƯ - PHÁP, TRUNG PHÂN

Tòa Hòa Giải Hội-An

ngày 26 tháng 11 năm 19 57

CHỨNG CHỈ THAY GIẤY

khởi sinh :

Số HUYNH-CHIẾN
7275 T.A

Năm một ngàn chín trăm năm mươi bảy

ngày hai m. sáu tháng mười một hồi 10 giờ

Trước mặt chúng tôi là Huynh-Nhu-Van

Thẩm-phán Tòa Hòa-Giải Việt-Nam.

ngồi tại Văn Phòng ở Tòa Hòa Giải Hội-An

có Lục-sự Nguyễn-Trà giúp việc

ĐÃ ĐẾN HẦU

Nguyễn-Liệu tức Nguyễn-Ngọc-Liệu 38 tuổi, nghề nghiệp Bảo an binh

chánh quán làng Xuyên-Tây, Duy-Xuyên, Quảng-Nam

trú quán làng hiện từng sự tại Tỉnh đoàn Bảo-an, Quảng-Nam

thẻ TK căn cước số A.001550 ngày 26.9.1955

do Ty Cảnh-Sát Hội-An cấp.

Thỉnh cầu Tòa-Án cấp một chứng chỉ khởi sinh cho chấp

sinh ngày 2.3.1947 tại Hà-Mật, Điện-Bản,

Quảng-Nam theo như đơn đệ tại bản Tòa ngày 21.11.1957

Đương sự có ba người nhân chứng sau đây để chứng thực lời khai của y

1 Ô.NGO CAN 23 tuổi, Bảo-an, binh, tờ khai căn cước số A.000798 ngày 30.9.55 do quận Duy-Xuyên cấp ngày. chánh quán Đông-Bon, Duy-Xuyên, Quảng-Nam hiện từng sự tại Tỉnh đoàn Bảo-An, Quảng-Nam.

2 Ô.PHAM VAN Y 25 tuổi, công chức, tờ khai căn cước số A.0000246 ngày 12.8.57 do quận Đại-Lộc cấp, chánh quán La-Qua, Điện-Bản, Quảng-Nam, hiện trú tại số 11 đường Duy-Tân, Hội-An.

3 Ô.VO NGOC ANH 32 tuổi, làm công, tờ khai căn cước số A.000206 ngày 30.9.55 do quận Tam-Kỷ cấp chánh quán Diêm sơn, Điện-Bản, Quảng-Nam, hiện trú tại số 126 đường Cường-Đế, Hội-An.

Nhưng nhân chứng này đã tuyên thệ và quả quyết bất chước tên.

HUYNH-CHIẾN, Quốc-Tịch Việt-Nam sinh ngày HAI tháng BA năm MỘT NGÀN CHÍN TRAM BỐN MƯƠI BẢY (02-03-1947) tại làng Hà-Mật, Quận Điện-Bản, tỉnh Quảng-Nam, con trai Ông Huỳnh-Tín và bà Phạm-thị-Tín vợ chánh thất.

tức Nguyễn-ngọc-Liệu
Và duyên có mồ Ô. Nguyễn-Liệu không thể sao lục khải sinh
được là vì số hộ tịch nơi sinh quán của cháu y bị
phá hủy bởi những biến cố chiến tranh

Mấy người chứng đã xác nhận như trên đây nên tôi phát giấy chứng chỉ
khải sinh Huỳnh-Chiến này cho tên Nguyễn-Liệu tức Nguyễn-
Ngọc-Liệu để làm bằng

hiệu theo các điều 47. 48 H.V.H.L

Và các người chứng có ký tên với tôi và viên Lục-sự sau khi đọc lại.

LUC - SỰ

THAM - PHÁN

Ký tên Nguyễn-Trà

Ký tên Huỳnh-Nhu-Vân

Những người làm chứng

Người đứng xin

- 1) Ký tên NGO CAN
- 2) Ký tên PHAM VAN Y
- 3) Ký tên VO NGOC ANH

Ký tên NGUYỄN-LIỆU tức NGUYỄN-
NGỌC-LIỆU

Trước bạ tại Hội-An(faifoo)

Ngày 29 tháng 11 năm 1957

Quyển 19 tờ 31 số 464

Thầu sáu chục đồng bạc

CHỦ SỰ

Ký tên Nguyễn-Thanh-Viêm

Thuế : 50,00

Phụ thu : 10,00

60,00

3

Sao y chính bản tồn trữ tại Phòng Lục-
sự tòa Hòa-Giải Hội-An, tỉnh Quảng-Nam

HỘI-AN, ngày 27 tháng 2 năm 1968

CHÁNH LỤC SỰ



(BDM : ĐIỂM)

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA

SỞ TƯ PHÁP TRUNG PHÂN

TÒA HÒA-GIẢI
DUY-XUYEN

Ngày 6 tháng 4 năm 1962

CHỨNG CHỈ THAY GIẤY

Khai sinh:

HỒ-THỊ-HOÀNG

Số 495 TA

Nam một nghìn chín trăm sáu mươi hai

Ngày Mùng sáu tháng Tư hồi 8 giờ

Trước mặt chúng tôi là ĐẶNG-TRẦN-BẢO

Thẩm-Phán Tòa Hòa-Giải Việt-nam

ngồi tại Văn-Phòng ở Tòa Hòa-Giải DUY-XUYEN

có Lục-Sư NGUYỄN-DIEU giúp việc

ĐÃ ĐẾN HẬU

Thiếu-thị-Ảnh 45 tuổi nghề nghiệp Buôn

chánh quán làng Xuyên-trường, DUY-xUYEN, QUẢNG-nam

trú quán làng Xuyên-trường, DUY-xUYEN, QUẢNG-nam

thẻ căn cước số B000.416 ngày 30-9-1955

do Quận DUY-xUYEN cấp

Thỉnh cầu Tòa-án cấp một chứng chỉ Khai sinh cho con y

sinh ngày 10-02-1951 tại Xã Xuyên-trường

theo như đơn xin đề tại bản Tòa ngày 6-4-1962

Đương sự có ba người nhân chứng sau đây để chứng theo

lời khai của y :

- 1) Nguyễn-Long 64 tuổi, nghề nông, thẻ căn cước số A000.613 cấp tại DUY-xUYEN ngày 12-09-1955. Hiện trú tại xã Xuyên-trường, quận DUY-xUYEN, QUẢNG-nam
- 2) Nguyễn-Ấm 65 tuổi, nghề nông, thẻ căn cước số : A000.514 cấp tại DUY-xUYEN ngày 30-9-1955, Hiện trú tại xã Xuyên-trường, quận DUY-xUYEN, QUẢNG-nam
- 3) Võ-Quang-Tùng 30 tuổi, nghề nông, thẻ căn cước số A000.427 cấp tại DUY-xUYEN ngày 30-9-1955. Hiện trú tại xã Xuyên-trường, quận DUY-xUYEN, QUẢNG-nam

Những nhân chứng này đã tuyên thệ và khai quả quyết biết tên

HỒ-THỊ-HOÀNG, Quốc-tịch Việt-nam, sinh ngày Mùng sáu, tháng hai, năm một ngàn chín trăm năm mươi một (10-02-1951) tại xã Xuyên-trường, quận DUY-xUYEN, tỉnh QUẢNG-nam, con Ông HỒ-TRƯỜNG (sống) và bà THIỀU-THỊ-ẢNH (sống) vợ kế thất.

vi duyên có mã y không thể xin sao lục khởi sinh cho con
vi biên cố chiến tranh xảy ra nên số bộ hồ tịch mới sinh
quan bị thất lạc.
Mấy người chứng đã xác nhận như trên đây nên tôi phát giấy
Chứng chỉ khởi sinh này cho HỒ-THỊ-HOÀNG
để tùy nghi tiện dụng
chiếu theo các điều 47, 48 Hoàng Việt Hộ Luật

và các người chứng có ký tên với chúng tôi và viên Lục-Sự sau khi đọc lại.

LỤC-SỰ,
NGUYỄN-DIỆU
(Ký tên)

THẨM-PHÁN,
ĐẶNG-TRAN-BẢO
(Ký tên và ấn dấu)

Những người chứng,

Người đứng xin,

1-Nguyễn-Long ký tên
2-Nguyễn-Ấm ký tên
3-Võ-Quang-Tùng ký tên

Đã nhận con niêm và
trước bạ miễn phí.
Hội-an ngày 9-4-1962
Trưởng Ty thuế-vụ hôn hợp
Ký tên không rõ và ấn dấu.

Thiếu-Thị-Anh ký tên
Miễn lệ phí trước bạ và con niêm
Thị-hành tư vạm có 1392/MTB/TT ngày
25-2-1959 qua Nha Giám đốc trước bạ
công-sạn và con niêm.
Quận-Trưởng kiêm Thẩm-phán
Ký tên ĐẶNG-TRAN-BẢO và ấn dấu

SAO Y CHÍNH BẢN

Tồn trữ tại văn-phòng Lục-sự Toà Hoà
Giải Quận Duy-xuyên, tỉnh Quang-nam.
Duy-xuyên ngày 18 tháng 6 năm 1966
TL. Quận-Trưởng kiêm Thẩm-phán
LỤC-SỰ



ĐÔ - THANH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận 10

Số hiệu: 5884

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai (1972) E

Tên, họ đứa nhỏ	HUYNH MINH TRI
Phái	Nam
Ngày sanh	Ngày sáu tháng mười một năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai, hồi 08 giờ 20
Nơi sanh	369 Le van Duyet
Tên, họ người Cha	HUYNH CHIEN
Tuổi	Hai mươi lăm
Nghề-nghiệp	Quan nhân
Nơi cư-ngụ	36/8 Ap Chi Hoa 2, Giadinh
Tên, họ người mẹ	HO THI HOANG
Tuổi	Hai mươi một
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	36/8 Ap Chi Hoa 2, Giadinh
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày II tháng II năm 1972

TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÁNH:

T/15

Ngày 13 tháng II năm 1972

QUẢN-TRƯỞNG QUẬN 10



LE-NGOC-THACH

TỈNH GIA-DÌNH

QUẬN Tân Ninh

Xã Tân Sơn Hòa

Số hiệu 2087

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 04 tháng 7 năm 1974

Tên họ đứa trẻ	Nguyễn Minh Bắc
Con trai hay con gái	Con
Ngày sanh	Ngày ba mùng, tháng sáu, năm 1974
Nơi sanh	Tân Sơn Hòa
Tên họ người cha	Nguyễn - Chiến
Tên họ người mẹ	Hồ Thị Hoàng
Vợ chánh hay không có hôn thú.	Chánh
Tên họ người đứng khai	Nguyễn - Chiến

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

Tân Sơn Hòa, ngày 08 tháng 7 năm 1974

Xã Trưởng kiêm Ủy-Viên Hộ-Tịch,



LÊ-VĂN-TÂM

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
QUẬN . TÂN BÌNH .
PHƯỜNG (XÃ) TÂN SƠN HƯA

NĂM 1976
SỐ: 0281 .

//-) AN SAO GIẤY KHAI SINH

Họ, Tên : HUỖNH MINH LONG
Gái hay Trai : TRAI
Ngày, tháng, năm sinh : 14 tháng 02 năm 1976
Nơi sinh : NHÀ BẢO SẠCH THÁI BÌNH QUẬN 10
Họ, Tên, Tuổi, Quốc Tịch người Cha : HUỖNH CHIẾN 29 tuổi Quốc tịch Việt Nam
Nghề nghiệp, chỗ ở người cha : 48/20 Nguyễn Bá Tòng bưng Biền Gia Định
Họ, Tên, Tuổi, Quốc Tịch người Mẹ : HỒ THỊ HOÀNG 25 tuổi Quốc tịch Việt Nam
Nghề nghiệp, chỗ ở người Mẹ : 48/20 Nguyễn Bá Tòng bưng Biền Gia Định

Làm tại Tân Sơn Hòa . . Ngày 10 tháng 02 năm 1976

CHỮ THÍCH :
.
.

SAO LỤC

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, Ngày 10 tháng 02 năm 1976

CT kiêm ỦY VIÊN HỘ TỊCH, xã Tân Sơn Hòa



NGUYỄN HỮU LÃNH

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Xã, Thị trấn

Thị xã, Quận Tân-Bình

Thành phố, Tỉnh Hồ-Chí-Minh

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 19/1981

Quyển số 01/P.1

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

HỌ và TÊN	<u>Huỳnh-Thị-Dịch-Nga</u> Nam, Nữ <u>Nữ</u>	
Sinh ngày tháng, năm	<u>Ngày chín tháng hai, năm một ngàn chín trăm tám mươi một (09-02-1981)</u>	
Nơi sinh	<u>Bảo sanh Hồ-Chí-Minh Quận 3</u>	
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Huỳnh-Chiến</u> <u>1947</u>	<u>Hồ-Thị-Hoàng</u> <u>1951</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt-Nam</u>	<u>Việt-Nam</u>
Nghề nghiệp nơi ĐKNK thường trú	<u>Thợ dệt</u> <u>Tên trú 98/20 số 30 Phường 1 Tân-Bình</u>	<u>Thợ dệt</u> <u>98/20 số 30 Phường 1 Tân-Bình</u>
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Cha khai : Huỳnh-Chiến</u>	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 04 tháng 03 năm 1981

TMAUBNN Tân-Bình ký tên đóng dấu

PHẠNH VĂN-PHÔNG

Đăng ký ngày 17 tháng 02 năm 1981

(Ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Ủy-Viên Thư-Ký Quận Tân-Bình

(Đã ký)

Lê-Hoài-Vũ



TRẦN-VĂN-TRỌNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022170050

Họ tên HUỖN CHIẾN

Sinh ngày 1947

Nguyên quán Quang Nam

Đà Nẵng.

Nơi thường trú 98/20 Ngõ - Bà Trưng

Fl. TĐ, T.P. Hồ Chí Minh.



Dân tộc: kinh Tôn giáo: không

ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Nốt ruồi cách 3cm
trên trước đầu máy
phải.

Ngày 5 tháng 4 năm 1984

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



Thao

Chanh Van

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020847776

Họ tên: HỒ THỊ HOÀNG

Sinh ngày: 10-2-1951

Nguyên quán: Duy Xuyên

Quảng Nam - Đà Nẵng

Nơi thường trú: 98/20 Ngõ Bà Lông

Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh



Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chàm cách 1,4cm
trên sụn đầu ngón trái



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 19 tháng 11 năm 1979

TUỔI, GIỚI ĐỘ, CÁC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN
PHỤ TRƯỞNG CÔNG AN TỈNH BẮC

[Signature]
Trần Văn Sơn

Fr : HUYNH DONG

Fr

FIRST CLASS

TO

: FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL
PRISONERS ASSOCIATION

P.O BOX 5435 , ARLINGTON

VA 22205 - 0635

FIRST CLASS

12th